

Số: 30 /2025/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 5 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Quy định giá cho thuê đối với nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Khoản 3 Điều 66 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định giá cho thuê đối với nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, vận hành và cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công.

### Điều 3. Giá cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công

1. Giá cho thuê đối với nhà ở cũ thuộc tài sản công được bố trí sử dụng trước ngày 05 tháng 7 năm 1994 (ngày ban hành Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở) mà chưa được cải tạo, xây dựng lại trên địa bàn tỉnh như sau:

| Loại nhà                                            | Biệt thự (hạng)                                                                                     |        |        |        | Nhà ở thông thường (cấp) |       |       |       |
|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------|--------|--------------------------|-------|-------|-------|
| Cấp, hạng nhà                                       | I                                                                                                   | II     | III    | IV     | I                        | II    | III   | IV    |
| Giá chuẩn<br>(đồng/m <sup>2</sup> sử dụng/tháng)    | 11.300                                                                                              | 13.500 | 15.800 | 24.800 | 6.800                    | 6.300 | 6.100 | 4.100 |
|                                                     | Theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ |        |        |        |                          |       |       |       |
| Giá cho thuê<br>(đồng/m <sup>2</sup> sử dụng/tháng) | Giá chuẩn x $K_{TLCB}$                                                                              |        |        |        |                          |       |       |       |

Trong đó:

a) Việc xác định cấp, hạng nhà ở thực hiện theo quy định tại Điều 72 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP;

b)  $K_{TLCB}$  là tỷ lệ điều chỉnh tiền lương được xác định bởi mức lương tối thiểu do Chính phủ quy định tại thời điểm hiện hành so với lương tối thiểu được Chính phủ quy định năm 2008 (lương tối thiểu được Chính phủ quy định năm 2008 áp dụng theo Nghị định số 166/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ).

2. Phương pháp xác định tiền thuê nhà phải trả hàng tháng được tính trên cơ sở giá chuẩn tại Khoản 1 Điều này và Mục II Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP.

### Điều 4. Điều chỉnh giảm giá cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công

1. Tỷ lệ phần trăm (%) điều chỉnh giảm giá cho thuê nhà ở cũ được xác định như sau:

| STT | Thời gian sử dụng         | Tỷ lệ điều chỉnh giảm giá cho thuê (%) |
|-----|---------------------------|----------------------------------------|
| 1   | Từ 30 năm đến dưới 40 năm | 10%                                    |
| 2   | Từ 40 năm đến dưới 50 năm | 20%                                    |
| 3   | Từ 50 năm trở lên         | 30%                                    |

2. Tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan tính giảm giá cho thuê theo giá chuẩn tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này nhân với tỷ lệ điều chỉnh giảm giá cho thuê tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 5. Quy định chuyển tiếp**

Đối với các hợp đồng thuê nhà còn thời hạn và giá thuê đã tính theo Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành bảng giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng thì thực hiện điều chỉnh giá cho thuê trong hợp đồng theo Quyết định này kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 6 năm 2025 và thay thế Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành bảng giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng các quy định theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, địa phương và đơn vị, tổ chức liên quan có trách nhiệm tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định này theo quy định; trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì kịp thời phản ánh bằng văn bản gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./. 

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính);
- Bộ Xây dựng (Vụ Pháp chế);
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 7;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Lâm Đồng;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Trung tâm tích hợp dữ liệu và chuyển đổi số;
- Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, XD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Hồng Thái**